

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 599/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ph trình bày: Chị với anh C chung sống vợ chồng vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, do anh C sống không chung thủy, tính tình không hợp nhau, có nhiều xung đột, từ đó dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, không muốn mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng và cùng nhau lo cho con nên chị đã nhiều lần cho anh C cơ hội sửa đổi nhưng cũng không mang lại kết quả tốt mà trái lại mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 22/10/1999, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Huy H sinh ngày 13/5/2002, chỉ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục H. Không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Ph và anh C theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph với anh C chung sống vợ chồng vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ph với anh C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Ph với anh C có hai con chung tên Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 22/10/1999 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/5/2002.

Xét yêu cầu nuôi cháu H của chị Ph, thấy rằng: Hiện tại cháu H do chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H đã trên 7 tuổi và nguyện vọng muốn sống với chị Ph khi cha, mẹ ly hôn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của cháu H, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu H cho chị Ph nuôi dưỡng.

Riêng cháu Ngân đã thành niên, chị Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét, chị Ph không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có; anh C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Kim Ph với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/5/2002, cho chị Võ Thị Kim Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Võ Thị Kim Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17321 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị Ph đã thi hành xong án phí.

4. Chị Ph, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức